

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 16-8-2018

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quê

1. Ông Hoàng Xuân Niêm
2. Ông Nguyễn Văn Chính

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình tham gia phiên tòa: Ông

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc gia công cửa nhôm”

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc N1, sinh năm 1973 (có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Phương N2 (tên gọi khác là Văn N2), sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

* Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2018, nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc N1 trình bày:

Nay ông N1 yêu cầu ông N2 hoàn trả khoản tiền đặt cọc là 24 triệu đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông N1 trình bày: Ngày ký hợp đồng và đặt cọc là ngày 10/02/2018 âm lịch. Sau khi hợp đồng làm cửa nhôm, đến hẹn, ông N2 chỉ có giao cho ông N1 được 05 khung nhôm bảo vệ cửa sổ với giá là 05 triệu đồng. Ông N1 đồng ý khấu trừ vào khoản tiền đặt cọc, ông N2 tiếp tục hoàn trả số tiền còn lại là 19 triệu đồng.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự;

+ Phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 328 của Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét xử vắng mặt ông N2, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông N1, buộc ông N2 phải hoàn trả cho ông N1 tổng số tiền đặt cọc còn nợ là 19 triệu đồng; ông N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là ông N2 được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông N2.

[2] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng, phù hợp với quy định của tố tụng dân sự.

[3] Tuy ông N2 không có ý kiến, nhưng với các chứng cứ do ông N1 cung cấp và qua xác minh của Tòa án, xác định được, vào ngày 10/02/2018 âm lịch, ông N1 có hợp đồng với ông N2 gia công cửa nhôm, gồm 08 cửa sổ, 03 lam và 05 cửa lớn với tổng số tiền là 44 triệu đồng, ông N1 đặt cọc cho ông N2 24 triệu đồng cùng ngày. Ông N2 có viết biên nhận. Sau khi ký kết hợp đồng, ông N2 chỉ có gia công và giao cho ông N1 được 05 khung nhôm bảo vệ cửa sổ thì ngưng không thực hiện việc gia công theo hợp đồng đã ký. Hành vi này của ông N2 là vi phạm nghĩa vụ của bên nhận gia công. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu của ông N1, buộc ông N2 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông N1 số tiền còn lại 19 triệu đồng (sau khi khấu trừ giá trị của 05 khung nhôm bảo vệ theo ông N1 xác định là 05 triệu đồng). Trường hợp chậm thanh toán, ông N2 còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn là ông N2 phải chịu án phí có giá ngạch 5%. Trả lại cho ông N1 khoản tiền nộp tạm ứng án phí.

[5] Tại phiên tòa: ông N1 có mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án; ông N2 vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 328, 550, 551 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phương N2 (tên gọi khác là Văn N2).
2. Buộc ông N2 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc N1 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) là khoản tiền đặt cọc trong hợp đồng gia công cửa nhôm.
3. Kể từ ngày ông N1 có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông N2 không chịu thanh toán cho ông N1 khoản tiền nói trên, thì hàng tháng, ông N2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.
4. Ông N2 phải chịu 950.000 đồng (chín trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.
5. Trả lại cho ông N1 khoản tiền nộp tạm ứng án phí 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005473 ngày 14/5/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.
6. Ông N1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế